

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 6 - 2023
V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lên.
2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Ánh N, sinh năm 1985, có mặt.

Địa chỉ HKTT: Khu phố E, Phường A, Thị xã K tỉnh Long An.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Võ Thanh T, sinh năm 1982, có mặt.

Địa chỉ: Khu phố E, Phường A, Thị xã K, Tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Ánh N và phần trình bày của bà N trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Bà N1 và ông Võ Thanh T được mai mối và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND thị trấn M (nay là U, thị xã K). Do trước khi kết hôn, bà và ông T chưa tìm hiểu kỹ nên sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ năm 2020 đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai bên có tìm biện pháp hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà và ông T đã không còn sống chung khoảng 01 năm nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là cháu Võ Thiên Â, sinh ngày 22/12/2009 và Võ Cát T1, sinh ngày 06/11/2020.

Hiện nay cháu Â đang sống với ông T và có nguyện vọng được sống với ba nên bà cũng đồng ý khi ly hôn để ông T trực tiếp nuôi cháu Â. Cháu T1 đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, bà yêu cầu cầu được nuôi cháu T1 vì cháu chưa đủ 36 tháng tuổi cần có sự chăm sóc của mẹ. Đúng là hiện nay bà đang sinh sống tại xã T, huyện T điều kiện không bằng thị xã K, tuy nhiên theo bà thì việc nuôi con tốt hay không chủ yếu là do cách nuôi dạy chăm sóc của cha mẹ chứ không hoàn toàn phụ thuộc vào điều kiện nơi sinh sống ở trung tâm thị xã.

Về cấp dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Võ Thanh T trình bày tại phiên tòa như sau:

Ông thống nhất lời trình bày của bà N1 về thời gian kết hôn, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, đã không còn sống chung khoảng 7 đến 8 tháng nay, đã tìm biện pháp hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay ông đồng ý ly hôn với bà N1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Võ Thiên Â, sinh ngày 22/12/2009 và Võ Cát T1, sinh ngày 06/11/2020.

Hiện nay cháu Â đang do ông trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, cháu T1 đang do bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu bà N1 cấp dưỡng. Hiện nay ông làm ruộng và làm phụ hồ có khả năng nuôi 02 con, mặt khác ông đang sinh sống tại thị xã K nên điều kiện nuôi con, cho con đi học thuận tiện hơn.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của bà N1; căn cứ địa chỉ cư trú của ông Võ Thanh T tại Phường A, thị xã K nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà N1 có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, bị đơn ông T vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Ánh N và ông Võ Thanh T có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyển số 01/2008 ngày 02/6/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M (nay là Phường A, thị xã K), hôn nhân giữa các bên là tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà N1 cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do trước khi kết hôn không tìm hiểu kỹ, đã không còn sống chung khoảng 01 năm nay, hai bên đã tìm biện pháp hàn gắn nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa, bị đơn ông T thống nhất vợ chồng có mâu thuẫn nên

không còn sống chung, ông T đồng ý ly hôn với bà N1. Như vậy căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn của các bên.

[3.2] Về con chung: Bà N1 và ông T thống nhất có 02 con chung là cháu Võ Thiên Ân, sinh ngày 22/12/2009 và cháu Võ Cát T1, sinh ngày 06/11/2020.

Hiện nay cháu Ân đang do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà N1 và ông T thống nhất sau khi ly hôn giao cháu Ân cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử căn cứ vào ý kiến trình bày của bà N1, ông T, căn cứ nguyện vọng của cháu Ân được sống cùng cha nên chấp nhận cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ân.

Cháu T1 hiện nay đang do bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà N1 yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T1, ngược lại ông T cũng yêu cầu được nuôi cháu T1.

Căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu T1 dưới 36 tháng tuổi và đang do bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà N1 cũng không thuộc trường hợp không đủ điều kiện nuôi con nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà N1 được tiếp tục nuôi con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N1, ông T không yêu cầu nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà N1 và ông T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà N1 và ông T thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà N1 và ông T mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung của bà Hồ Thị Ánh N với ông Võ Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hồ Thị Ánh N với ông Võ Thanh T.

Về con chung:

Giao con chung tên Võ Thiên Ân, sinh ngày 22/12/2009, giới tính nam cho ông Võ Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Hồ Thị Ánh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Giao con chung tên Võ Cát T1, sinh ngày 06/11/2020, giới tính nữ cho bà Hồ Thị Ánh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Võ Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bà N, ông T hoặc cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị Ánh N phải nộp 75.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000876 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường. Bà N1 được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 225.000 đồng. Ông Võ Thanh T phải nộp 75.000 đồng án phí sơ thẩm.

3. Án xử sơ thẩm công khai, bà Hồ Thị Ánh N, ông Võ Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- CC THADS thị xã Kiến Tường;
- UBND Phường 1, Tx Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Tuyết Nhung